

Số: 701 /SKH-KTN

Tuyên Quang, ngày 23 tháng 5 năm 2019

Về việc đề nghị thẩm định dự thảo
Nghị quyết của HĐND tỉnh về chính
sách khuyến khích doanh nghiệp đầu
tư vào nông nghiệp, nông thôn

Kính gửi: Sở Tư pháp.

Căn cứ Luật ban hành Văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 của HĐND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2019 của HĐND tỉnh Tuyên Quang khóa XVIII, nhiệm kỳ 2016-2021;

Căn cứ Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp UBND tỉnh kỳ tháng 5 năm 2019;

Căn cứ Văn bản số 440/STP-XD&KTVB ngày 22/5/2019 của Sở Tư pháp về việc đôn đốc gửi hồ sơ thẩm định đối với nghị quyết quy phạm pháp luật do UBND tỉnh trình.

Sở Kế hoạch và Đầu tư trân trọng đề nghị Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, cụ thể như sau:

Ngày 08/4/2019 Sở Kế hoạch và Đầu tư đã có Văn bản số 439/SKH-KTN gửi Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Tuyên Quang, các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh về việc đăng tải và xin ý kiến vào dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tổng hợp, hoàn thiện dự thảo theo ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị (đã có 15 đơn vị gửi văn bản tham gia ý kiến, 04 đơn vị chưa gửi ý kiến). Trên cơ sở tiếp thu ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị, ý kiến tham gia của các thành viên UBND tỉnh tại kỳ họp tháng 5 năm 2019. Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết nêu trên đề nghị Sở Tư pháp thẩm định, tài liệu gửi kèm gồm:

- (1) Dự thảo Tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết.
- (2) Dự thảo Nghị quyết.
- (3) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách và dự kiến kinh phí thực hiện.
- (4) Báo cáo đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách.
- (5) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; bản chụp ý kiến góp ý.
- (6) Một số văn bản pháp lý liên quan.

Đề nghị Sở Tư pháp sớm có ý kiến thẩm định để Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi (Thẩm định);
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, KTN.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Triệu Quang Huy

Số: **SỞ** /TTtr-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2019



TỜ TRÌNH

Đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT ngày 06/12/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Thực hiện Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn. Ngày 22/12/2015, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND về Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn giai đoạn 2016-2020, trong đó quy định hình thức hỗ trợ cho doanh nghiệp sau đầu tư với 04 nội dung: Hỗ trợ trồng mới, trồng lại cây chè; hỗ trợ chăn nuôi gia súc tập trung; hỗ trợ cơ sở chế biến cam; hỗ trợ cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung.

Ngày 17/04/2018, Chính phủ ban hành Nghị định số 57/2018/NĐ-CP về cơ

chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp nông thôn thay thế Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ, trong đó thay đổi nhiều nội dung so với Nghị định số 210/2013/NĐ-CP. Do đó, Nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh cũng hết hiệu lực thực hiện.

Quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh phát sinh một số khó khăn vướng mắc: Việc hỗ trợ sau đầu tư, khi dự án hoàn thành đầu tư trồng chè chưa phù hợp với thực tế, kinh phí trồng mới, trồng lại 01 ha chè lớn; thời gian thực hiện dự án trồng chè thường kéo dài nhiều năm; điều kiện liên khoảnh khó thực hiện do diện tích trồng lại nằm rải rác trong vùng nguyên liệu; quy mô hỗ trợ chăn nuôi trâu còn cao so với thực tế; nội dung hỗ trợ chăn nuôi bò sữa, bò thịt, hỗ trợ cơ sở chế biến cam, hỗ trợ cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm được quy định cụ thể tại Điều 11, Điều 12 Nghị định số 57/2019/NĐ-CP trong đó không quy định về quy mô, vì vậy tỉnh không cần quy định lại.

Đồng thời theo Điều 19 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phải rà soát, ban hành chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn tại địa phương, trong đó quy định chính sách tín dụng, vốn cấp bù lãi suất hỗ trợ; ban hành cơ chế thúc đẩy tập trung đất đai, tạo quỹ đất để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn phù hợp với thẩm quyền và các quy định của pháp luật.

Do đó việc ban hành chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang thay thế Nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh và cụ thể hóa một số nội dung theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP là rất cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG

1. Quan điểm xây dựng: Chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn nhằm khai thác và phát huy lợi thế về nông nghiệp của địa phương với quy mô lớn, góp phần phát triển ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao giá trị gia tăng. Việc sửa đổi, bổ sung nhằm đơn giản hóa điều kiện, thủ tục, tạo thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

2. Mục đích: Khuyến khích, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh

- Nghị quyết này quy định chính sách đặc thù về hỗ trợ đầu tư, thúc đẩy tập trung đất đai, hỗ trợ lãi suất của tỉnh Tuyên Quang cho các doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Các cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn không nêu tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ.

2. Đối tượng áp dụng

- Doanh nghiệp được đăng ký, thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn quy định tại Khoản 3, 4 Điều 3 của Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ.

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách quy định tại Nghị quyết này.

IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG NGHỊ QUYẾT

1. Mục tiêu chính sách

Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn nhằm khuyến khích, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động, góp phần phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

2. Nội dung chính sách

2.1. Chính sách khuyến khích tập trung đất đai

Ngoài việc được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ về đất đai theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, doanh nghiệp được ngân sách tỉnh hỗ trợ tập trung đất đai khi thực hiện dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn như sau:

a) Các hình thức khuyến khích tập trung đất đai¹

Thuê quyền sử dụng đất²: Khuyến khích doanh nghiệp thuê quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân, tổ chức khác để thực hiện dự án đầu tư vào nông nghiệp và nông thôn.

¹ Tập trung đất đai là quá trình làm tăng quy mô đất đai cho sản xuất kinh doanh nhưng không thay đổi quyền sở hữu hay quyền sử dụng của các chủ thể sở hữu sử dụng ruộng đất.

² Cho thuê quyền sử dụng đất là hình thức chuyển quyền sử dụng đất có thời hạn trong đó bên cho thuê chuyển giao đất cho bên thuê để sử dụng trong một thời hạn, còn bên thuê phải sử dụng đất đúng mục đích, trả tiền thuê và trả lại đất khi hết thời hạn thuê.

Góp vốn bằng quyền sử dụng đất³: Khuyến khích doanh nghiệp nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân, tổ chức khác để thực hiện dự án đầu tư vào nông nghiệp và nông thôn.

b) Mức hỗ trợ: Doanh nghiệp thực hiện tập trung đất theo hình thức góp vốn bằng quyền sử dụng đất hoặc hình thức doanh nghiệp tự thuê quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân, tổ chức đang sử dụng đất để đầu tư sản xuất, kinh doanh vào nông nghiệp tập trung được hỗ trợ 10 triệu đồng/ha nhưng không quá 01 tỷ đồng/dự án⁴.

c) Điều kiện được hưởng chính sách đất đai

Việc sử dụng đất để thực hiện dự án phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Việc hỗ trợ chỉ được thực hiện sau khi Doanh nghiệp hoàn thành các thủ tục về đất đai theo quy định và đã đầu tư đưa đất vào sử dụng đúng mục đích ghi trong văn bản chấp thuận đầu tư được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

Diện tích đất tập trung phải đảm bảo theo quy định tại Nghị quyết này và ranh giới, diện tích đất sử dụng để thực hiện dự án đầu tư phải liền vùng nhau.

Doanh nghiệp được hưởng chính sách khuyến khích tập trung đất nông nghiệp đối với trường hợp thuê quyền sử dụng đất hoặc góp vốn bằng quyền sử dụng đất phải đảm bảo thời gian thuê quyền sử dụng đất hoặc góp vốn bằng quyền sử dụng đất tối thiểu 15 năm⁵.

Diện tích đất tập trung được hưởng chính sách tối thiểu 03 ha đối với các huyện Chiêm Hóa, Na Hang, Lâm Bình; 05 ha đối với các huyện Hàm Yên, Sơn Dương, Yên Sơn và thành phố Tuyên Quang⁶.

Đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.2. Hỗ trợ lãi suất

a) Mức hỗ trợ: Doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn có sử dụng vốn vay của ngân hàng thương mại được ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất vay thương mại sau khi dự án hoàn thành. Mức hỗ trợ bằng chênh lệch lãi suất vay

³ Góp vốn bằng quyền sử dụng đất là việc góp tài sản bằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để tạo thành vốn điều lệ của doanh nghiệp.

⁴ Mức hỗ trợ 10 triệu đồng/ha nhưng không quá 01 tỷ đồng/dự án là mức hỗ trợ thêm nằm ngoài chính sách hỗ trợ tập trung đất đai theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP

⁵ Việc đề xuất thời gian thuê quyền sử dụng đất hoặc góp vốn bằng quyền sử dụng đất tối thiểu 15 năm phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, Khoản 3 Điều 126 Luật Đất đai năm 2014.

⁶ Diện tích tối thiểu 03 ha đối với các huyện CH, NH, LB; 05 ha đối với các huyện HY, SD, YS và thành phố Tuyên Quang theo địa bàn quy định của Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ; đồng thời trên cơ sở điều kiện địa hình thực tế.

thương mại so với lãi suất tín dụng nhà nước ưu đãi đầu tư tính trên số dư thực tế tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ.

b) Thời gian hỗ trợ: Thời gian hỗ trợ lãi suất tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại nhưng không quá 04 năm đối với dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, 03 năm đối với dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư. Trường hợp dự án của doanh nghiệp vừa và nhỏ mới thành lập thì thời gian hỗ trợ lãi suất là 04 năm⁷.

c) Dự án mà doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị thì được áp dụng hỗ trợ lãi suất theo chu kỳ sản xuất của sản phẩm.

d) Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất: Tối đa không quá 70% tổng mức đầu tư dự án⁸.

2.3. Hỗ trợ trồng mới, trồng lại cây chè

a) Mức hỗ trợ: Doanh nghiệp có dự án trồng mới, trồng lại cây chè, sử dụng giống mới, năng suất chất lượng cao được ngân sách hỗ trợ một lần 25 triệu đồng/ha để mua giống chè⁹.

b) Điều kiện hỗ trợ: Doanh nghiệp có hợp đồng liên kết với các hộ dân có đất trồng chè hoặc đang có đất trồng chè năng suất dưới 7 tấn/ha¹⁰, diện tích liên vùng quy mô tối thiểu 30 ha/dự án. Khuyến khích trồng chè theo các tiêu chuẩn được công nhận, sử dụng giống mới, năng suất chất lượng cao.

2.4. Hỗ trợ chăn nuôi trâu, lợn tập trung

a) Mức hỗ trợ: Doanh nghiệp có dự án chăn nuôi trâu, lợn tập trung được ngân sách hỗ trợ một lần 50% chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng nhưng không quá 1,5 tỷ đồng/dự án chăn nuôi trâu, không quá 01 tỷ đồng/dự án chăn nuôi lợn để xây dựng chuồng trại, nhà kho, xử lý chất thải, giao thông, điện, nước và mua sắm thiết bị trong hàng rào dự án.

b) Điều kiện được hỗ trợ: Quy mô chăn nuôi gia súc tập trung thường xuyên tối thiểu 100 con trâu; 500 con lợn¹¹.

3. Nguyên tắc hỗ trợ:

⁷ Đề xuất mức hỗ trợ lãi suất bằng 50% mức hỗ trợ quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP do khả năng cân đối của ngân sách tỉnh

⁸ Hạn mức vay vốn tối đa không quá 70% theo Điều 8 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

⁹ Mức hỗ trợ 25 triệu/ha, quy mô 30 ha/dự án theo Nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND.

¹⁰ Diện tích chè trồng bằng các giống cũ, đã già cỗi, cho năng suất thấp dưới 7 tấn/ha chiếm khoảng 40% trong tổng diện tích chè hiện có (khoảng gần 4.000 ha),

¹¹ Điều kiện hỗ trợ dự án chăn nuôi 100 con trâu giảm 50 con so với Nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND để doanh nghiệp dễ tiếp cận.

Việc hỗ trợ được áp dụng đối với các dự án có trong danh mục dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang¹².

Nhà nước hỗ trợ đầu tư bằng hình thức hỗ trợ một phần kinh phí hoặc cấp bù chênh lệch lãi suất cho doanh nghiệp. Phần vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước không tính vào thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp.

Các dự án hỗ trợ phải được cơ quan chuyên môn (do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định) thẩm tra, nghiệm thu dự án hoàn thành. Định mức hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Trong cùng một thời gian, có nhiều chính sách hỗ trợ khác nhau thì doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

4. Hình thức hỗ trợ:

Doanh nghiệp được giải ngân 01 lần số tiền hỗ trợ sau khi dự án được nghiệm thu hoàn thành. Riêng dự án hỗ trợ trồng mới, trồng lại cây chè nghiệm thu, giải ngân hỗ trợ theo năm.

5. Giải pháp thực hiện chính sách

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền chính sách trên Báo Tuyên Quang, Đài phát thanh truyền hình tỉnh.

- Huy động mọi nguồn lực trong xã hội để tham gia thực hiện chính sách.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, NHÂN SỰ

1. Dự kiến kinh phí thực hiện: Giai đoạn 2019 - 2025 khoảng 41.140 triệu đồng (bình quân khoảng 5.877 triệu đồng/năm) trong đó:

- Hỗ trợ tập trung đất đai: 16.000 triệu đồng.
- Hỗ trợ lãi suất: 2.640 triệu đồng.
- Hỗ trợ trồng mới, trồng lại cây chè 12.000 triệu đồng.
- Hỗ trợ chăn nuôi gia súc tập trung: 10.500 triệu đồng.

(Chi tiết có biểu kèm theo)

2. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh (vốn sự nghiệp kinh tế và vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh).

3. Nhân sự: Các cơ quan quản lý nhà nước và các doanh nghiệp thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách.

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT

¹² Theo quy định tại Khoản 2 Điều 19 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, UBND tỉnh ban hành Quyết định chủ trương đầu tư kèm theo danh mục dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình thông qua Nghị quyết tại kỳ họp thứ 8, Hội đồng nhân dân tỉnh, khóa XVIII.

Trên đây là Tờ trình đề nghị ban hành chính sách đặc thù hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, Ủy ban nhân dân tỉnh xin kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: (1) hồ sơ đề nghị ban hành Nghị quyết; (2) Báo cáo thẩm định nghị quyết của Sở Tư pháp; (3) Quyết định thông qua chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Số: /2019/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2019

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp,
nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ ...**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT ngày 06/12/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số .../TTr-UBND ngày .../.../2019 về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số .../BC-HĐND ngày .../.../2019 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách đặc thù về hỗ trợ đầu tư, thúc đẩy tập trung đất đai, hỗ trợ lãi suất của tỉnh Tuyên Quang cho các doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Các cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn không nêu tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ.

2. Đối tượng áp dụng

Doanh nghiệp được đăng ký, thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn quy định tại Khoản 3, 4 Điều 3 của Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ.

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách quy định tại Nghị quyết này.

3. Nguyên tắc hỗ trợ

Việc hỗ trợ được áp dụng đối với các dự án có trong danh mục dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang¹.

Nhà nước hỗ trợ đầu tư bằng hình thức hỗ trợ một phần kinh phí hoặc cấp bù chênh lệch lãi suất cho doanh nghiệp. Phần vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước không tính vào thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp.

Các dự án hỗ trợ phải được cơ quan chuyên môn (do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định) thẩm tra, nghiệm thu dự án hoàn thành. Định mức hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Trong cùng một thời gian, có nhiều chính sách hỗ trợ khác nhau thì doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

4. Các chính sách hỗ trợ

4.1. Chính sách khuyến khích tập trung đất đai

Ngoài việc được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ về đất đai theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ, doanh nghiệp được ngân sách tỉnh hỗ trợ tập trung đất đai khi thực hiện dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh như sau:

a) Các hình thức khuyến khích tập trung đất đai²

¹ Theo quy định tại Khoản 2 Điều 19 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, UBND tỉnh ban hành Quyết định chủ trương đầu tư kèm theo danh mục dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Thuê quyền sử dụng đất³: Khuyến khích doanh nghiệp thuê quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân, tổ chức khác để thực hiện dự án đầu tư vào nông nghiệp và nông thôn.

Góp vốn bằng quyền sử dụng đất⁴: Khuyến khích doanh nghiệp nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân, tổ chức khác để thực hiện dự án đầu tư vào nông nghiệp và nông thôn.

b) Mức hỗ trợ: Doanh nghiệp thực hiện tập trung đất theo hình thức góp vốn bằng quyền sử dụng đất hoặc hình thức doanh nghiệp tự thuê quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân, tổ chức đang sử dụng đất để đầu tư sản xuất, kinh doanh vào nông nghiệp tập trung được hỗ trợ 10 triệu đồng/ha nhưng không quá 01 tỷ đồng/dự án⁵.

c) Điều kiện được hưởng chính sách đất đai

Việc sử dụng đất để thực hiện dự án phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Việc hỗ trợ chỉ được thực hiện sau khi Doanh nghiệp hoàn thành các thủ tục về đất đai theo quy định và đã đầu tư đưa đất vào sử dụng đúng mục đích ghi trong văn bản chấp thuận đầu tư được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

Diện tích đất tập trung phải đảm bảo theo quy định tại Nghị quyết này và ranh giới, diện tích đất sử dụng để thực hiện dự án đầu tư phải liền vùng nhau.

Doanh nghiệp được hưởng chính sách khuyến khích tập trung đất nông nghiệp đối với trường hợp thuê quyền sử dụng đất hoặc góp vốn bằng quyền sử dụng đất phải đảm bảo thời gian thuê quyền sử dụng đất hoặc góp vốn bằng quyền sử dụng đất tối thiểu 15 năm⁶.

Diện tích đất tập trung được hưởng chính sách tối thiểu 03 ha đối với các huyện Chiêm Hóa, Na Hang, Lâm Bình; 05 ha đối với các huyện Hàm Yên, Sơn Dương, Yên Sơn và thành phố Tuyên Quang⁷.

² Tập trung đất đai là quá trình làm tăng quy mô đất đai cho sản xuất kinh doanh nhưng không thay đổi quyền sở hữu hay quyền sử dụng của các chủ thể sở hữu sử dụng ruộng đất.

³ Cho thuê quyền sử dụng đất là hình thức chuyển quyền sử dụng đất có thời hạn trong đó bên cho thuê chuyển giao đất cho bên thuê để sử dụng trong một thời hạn, còn bên thuê phải sử dụng đất đúng mục đích, trả tiền thuê và trả lại đất khi hết thời hạn thuê.

⁴ Góp vốn bằng quyền sử dụng đất là việc góp tài sản bằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để tạo thành vốn điều lệ của doanh nghiệp.

⁵ Mức hỗ trợ 10 triệu đồng/ha nhưng không quá 01 tỷ đồng/dự án là mức hỗ trợ thêm nằm ngoài chính sách hỗ trợ tập trung đất đai theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP

⁶ Việc đề xuất thời gian thuê quyền sử dụng đất hoặc góp vốn bằng quyền sử dụng đất tối thiểu 15 năm phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, Khoản 3 Điều 126 Luật Đất đai năm 2014.

⁷ Diện tích tối thiểu 03 ha đối với các huyện CH, NH, LB; 05 ha đối với các huyện HY, SD, YS và thành phố Tuyên Quang theo địa bàn quy định của Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ; đồng thời trên cơ sở điều kiện địa hình thực tế.

Đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4.2. Hỗ trợ lãi suất

a) Mức hỗ trợ: Doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn có sử dụng vốn vay của ngân hàng thương mại được ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất vay thương mại sau khi dự án hoàn thành. Mức hỗ trợ bằng chênh lệch lãi suất vay thương mại so với lãi suất tín dụng nhà nước ưu đãi đầu tư tính trên số dư thực tế tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ.

b) Thời gian hỗ trợ: Thời gian hỗ trợ lãi suất tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại nhưng không quá 04 năm đối với dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, 03 năm đối với dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư. Trường hợp dự án của doanh nghiệp vừa và nhỏ mới thành lập thì thời gian hỗ trợ lãi suất là 04 năm⁸.

c) Dự án mà doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị thì được áp dụng hỗ trợ lãi suất theo chu kỳ sản xuất của sản phẩm.

d) Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất: Tối đa không quá 70% tổng mức đầu tư dự án⁹.

4.3. Hỗ trợ trồng mới, trồng lại cây chè

a) Mức hỗ trợ: Doanh nghiệp có dự án trồng mới, trồng lại cây chè, sử dụng giống mới, năng suất chất lượng cao được ngân sách hỗ trợ một lần 25 triệu đồng/ha để mua giống chè¹⁰.

b) Điều kiện hỗ trợ: Doanh nghiệp có hợp đồng liên kết với các hộ dân có đất trồng chè hoặc đang có đất trồng chè năng suất dưới 7 tấn/ha¹¹, diện tích liên vùng quy mô tối thiểu 30 ha/dự án. Khuyến khích trồng chè theo các tiêu chuẩn được công nhận, sử dụng giống mới, năng suất chất lượng cao.

4.4. Hỗ trợ chăn nuôi trâu, lợn tập trung¹²

a) Mức hỗ trợ: Doanh nghiệp có dự án chăn nuôi trâu, lợn tập trung được ngân sách hỗ trợ một lần 50% chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng nhưng không quá 1,5 tỷ đồng/dự án chăn nuôi trâu, không quá 01 tỷ đồng/dự án chăn nuôi lợn để xây

⁸ Đề xuất mức hỗ trợ lãi suất bằng 50% mức hỗ trợ quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP do khả năng cân đối của ngân sách tỉnh

⁹ Hạn mức vay vốn tối đa không quá 70% theo Điều 8 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

¹⁰ Mức hỗ trợ 25 triệu/ha, quy mô 30 ha/dự án theo Nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND.

¹¹ Diện tích chè trồng bằng các giống cũ, đã già cỗi, cho năng suất thấp dưới 7 tấn/ha chiếm khoảng 40% trong tổng diện tích chè hiện có (khoảng gần 4.000 ha).

¹² Bò thịt bò sữa đã được hỗ trợ theo Điều 12 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP trong đó không giới hạn về quy mô.

dụng chuồng trại, nhà kho, xử lý chất thải, giao thông, điện, nước và mua sắm thiết bị trong hàng rào dự án.

b) Điều kiện được hỗ trợ: Quy mô chăn nuôi gia súc tập trung thường xuyên tối thiểu 100 con trâu; 500 con lợn¹³.

5. Trình tự và thủ tục hỗ trợ

Trình tự, hồ sơ, thủ tục nhận hỗ trợ thực hiện theo Điều 16, Điều 17 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn.

6. Cơ chế, nguồn vốn hỗ trợ

6.1. Nguồn vốn hỗ trợ: Ngân sách tỉnh (vốn sự nghiệp kinh tế và vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh)¹⁴.

6.2. Cơ chế hỗ trợ đầu tư: Doanh nghiệp được giải ngân 01 lần số tiền hỗ trợ sau khi dự án được nghiệm thu hoàn thành. Riêng dự án hỗ trợ trồng mới, trồng lại cây chè nghiệm thu, giải ngân hỗ trợ theo năm.

Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp

Doanh nghiệp có dự án đầu tư đáp ứng các điều kiện hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này nếu đã triển khai thực hiện dự án sau ngày Nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh có hiệu lực mà chưa được hưởng hỗ trợ thì được hưởng hỗ trợ cho thời gian còn lại của dự án theo quy định của Nghị quyết này.

Doanh nghiệp đang được hưởng hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh thì tiếp tục được hưởng hỗ trợ đã cấp hoặc có quyền hưởng hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này cho thời gian còn lại của dự án nếu đáp ứng được các điều kiện hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 4. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

¹³ Điều kiện hỗ trợ dự án chăn nuôi 100 con trâu giảm 50 con so với Nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND để doanh nghiệp dễ tiếp cận.

¹⁴ Hiện nay, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã được phê duyệt. Dự thảo chính sách có hiệu lực từ năm 2019, do vậy việc ghi cụ thể nguồn chi đầu tư phân cấp cho địa phương chi hỗ trợ trồng mới trồng lại cây chè; chăn nuôi trâu bò, nguồn chi thường xuyên hỗ trợ lãi suất cho các dự án sẽ khó trong việc bố trí nguồn vốn thực hiện hỗ trợ cho doanh nghiệp trong năm 2019 và năm 2020. Trong giai đoạn từ năm 2021-2025 sẽ tổng hợp kinh phí thực hiện chính sách vào trong kế hoạch đầu tư công.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày .../.../2019 có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của HĐND tỉnh về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016-2020./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm Công báo TQ;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, CV.

CHỦ TỊCH

**BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN THAM GIA VÀO DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA HĐND TỈNH VỀ
CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ KHUYẾN KHÍCH DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN**

STT	Đơn vị tham gia ý kiến	Nội dung ý kiến	Ý kiến của đơn vị soạn thảo	Ghi chú
1	Sở Tài nguyên và Môi trường	- Nhất trí với nội dung, bố cục và cách trình bày của dự thảo Nghị quyết về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.		Ý kiến tại Văn bản số 403/STNMT-KHTC ngày 17/4/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường
2	Sở Tài chính	- Cơ bản nhất trí với nội dung, bố cục của dự thảo Nghị quyết. - Đề nghị xem xét, sửa đổi: + Khoản 3, Điều 1 Nguyên tắc hỗ trợ: Xem xét bổ sung nguyên tắc tại Khoản 6, Điều 4, Nghị định số 57/2018/NĐ-CP. + Các mức hỗ trợ quy định từ Mục 4.1, 4.2, 4.3 Khoản 4 Điều dự thảo Nghị quyết: Đề nghị làm rõ căn cứ, cơ sở áp dụng mức hỗ trợ của từng chính sách.	- Nội dung tại Khoản 6, Điều 4, Nghị định số 57/2018/NĐ-CP Sở Kế hoạch đã lồng ghép vào Điểm 5.2 Khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị quyết. - Mức hỗ trợ quy định từ Mục 4.1 đến 4.3 Điều 1 dự thảo, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã có ghi chú trong dự thảo Nghị quyết.	Văn bản số 502/STC-QLNS ngày 24/4/2018 của Sở Tài chính

STT	Đơn vị tham gia ý kiến	Nội dung ý kiến	Ý kiến của đơn vị soạn thảo	Ghi chú
		<p>+ Mục 4.3 Điều 1 dự thảo Nghị quyết quy định hỗ trợ cơ sở chế biến cam: Chính sách này đã được quy định cụ thể tại Điểm a, Khoản 1, Điều 11 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP. Đề nghị cơ quan soạn thảo không quy định nội dung này tại dự thảo.</p> <p>+ Mục 4.4 Khoản 4 Điều 1 dự thảo Nghị quyết: Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung làm rõ điều kiện hỗ trợ lãi suất của các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn; dự kiến mức vốn sử dụng ngân sách tỉnh để đảm bảo thực hiện chính sách hỗ trợ theo quy định tại Khoản 1, Điều 19, Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.</p> <p>+ Đề nghị tiếp thu ý kiến của Sở Tài chính tại Văn bản số 254/STC-QLND ngày 14/3/2019 về nguồn kinh phí thực hiện chính sách, trong đó ghi cụ thể nguồn chi đầu tư phân cấp cho địa phương chi hỗ trợ trồng mới trồng lại cây chè; chăn nuôi trâu bò, chế biến cam, nguồn chi thường xuyên hỗ trợ lãi suất cho các dự án.</p>	<p>- Nhất trí tiếp thu đã bỏ nội dung này trong dự thảo Nghị quyết.</p> <p>- Điều kiện hỗ trợ lãi suất đã quy định tại nội dung nguyên tắc hỗ trợ.</p> <p>- Nguồn lực thực hiện thực hiện chính sách hàng năm dự kiến khoảng 5,877 tỷ đồng, tương đương với dự kiến thực hiện của chính sách theo nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND.</p> <p>- Hiện nay, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã được Trung ương phê duyệt. Dự thảo chính sách có hiệu lực từ năm 2019, do vậy việc ghi cụ thể nguồn chi đầu tư phân cấp cho địa phương chi hỗ trợ trồng mới trồng lại cây chè; chăn nuôi trâu bò, nguồn chi thường xuyên hỗ trợ lãi suất cho các dự án sẽ khó trong việc bố trí nguồn vốn thực hiện hỗ trợ cho doanh nghiệp trong năm 2019 và năm 2020. Về nguồn vốn thực hiện chính sách đề nghị ghi chung là Ngân sách tỉnh (vốn sự nghiệp kinh tế và vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh). Trong giai đoạn từ năm 2021-2025 sẽ tổng hợp kinh phí thực hiện chính sách vào trong kế hoạch đầu tư công.</p>	

STT	Đơn vị tham gia ý kiến	Nội dung ý kiến	Ý kiến của đơn vị soạn thảo	Ghi chú
		+ Xem xét về điều khoản chuyển tiếp đối với doanh nghiệp đã được thẩm định đủ điều kiện hưởng chính sách theo Nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND..	- Nhất trí tiếp thu, đã chỉnh sửa trong dự thảo Nghị quyết.	
3	Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh Tuyên Quang	- Nhất trí với Dự thảo Nghị quyết về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.		Văn bản số 376/TQU-THNS ngày 18/4/2019 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	- Cơ bản nhất trí với dự thảo Nghị quyết. - Đề nghị xem xét bổ sung: + Trong dự thảo có 03 sản phẩm được hỗ trợ cây chè, cam, con trâu, bò, đề nghị bổ sung để hỗ trợ cho tổng 05 sản phẩm chủ lực của tỉnh theo số lượng quy định tại Quyết định số 1203/QĐ-TTĐ ngày 18/9/2019 của Thủ tướng Chính phủ.	- Không nhất trí bổ sung 05 sản phẩm chủ lực vì Nghị quyết của tỉnh chỉ quy định hỗ trợ sau đầu tư cho 02 sản phẩm đặc thù không có trong Nghị định số 57/2018/NĐ-CP là cây chè, gia súc tập trung (không bao gồm bò thịt, bò sữa) trên cơ sở rà soát Nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND và các chính sách của ngành nông nghiệp đã được ban hành. Các sản phẩm khác của ngành nông nghiệp đã được hỗ trợ theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, Nghị quyết số 10/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của HĐND tỉnh;...	Văn bản số 661/SNN-KH ngày 25/4/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT

STT	Đơn vị tham gia ý kiến	Nội dung ý kiến	Ý kiến của đơn vị soạn thảo	Ghi chú
		<p>+ Xem xét bổ sung vào mục 4 các chính sách hỗ trợ đối với dự án đầu tư xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung cho phù hợp với danh mục dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn.</p> <p>- Đối với hỗ trợ cây chè: Đề nghị xem xét sửa nội dung hỗ trợ một lần 25 triệu đồng/ha, hỗ trợ giống, phân bón, kỹ thuật thâm canh thành hỗ trợ mua giống.</p>	<p>- Không nhất trí bổ sung hỗ trợ xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm vì nội dung này đã được quy định tại Điều 11 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, trong đó không quy định về quy mô dự án, đây là điều kiện mở cho các doanh nghiệp để tiếp cận.</p> <p>- Nhất trí tiếp thu chỉnh sửa thành hỗ trợ 25 triệu đồng/ha để mua giống chè.</p>	
5	Sở Khoa học và Công nghệ	<p>- Cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo.</p> <p>- Ý kiến tham gia:</p> <p>+ Phần căn cứ ban hành: Đề nghị bổ sung cụm từ “cơ chế” trước cụm từ “chính sách”.</p> <p>+ Tại Điều 1, Khoản 4, Điểm b: Đề nghị xem xét, chỉnh sửa tăng thời gian hỗ trợ lãi suất cho phù hợp với quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.</p>	<p>- Nhất trí tiếp thu đã rà soát bổ sung cụm từ “cơ chế” trước cụm từ “chính sách”.</p> <p>- Nghị định số 57/2018/NĐ-CP quy định chung về hỗ trợ lãi suất cho cả nước. Căn cứ vào nguồn lực của địa phương để cân đối vốn và nguồn vốn thực hiện hỗ trợ lãi suất. Do vậy, cơ quan soạn thảo bảo lưu mức hỗ trợ lãi suất như trong dự thảo Nghị quyết.</p>	Văn bản số 261/SKH-CN-QLKH&KHCNCS ngày 16/4/2019 của Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Đơn vị tham gia ý kiến	Nội dung ý kiến	Ý kiến của đơn vị soạn thảo	Ghi chú
6	Sở Tư pháp	<p>- Ngày 11/4/2019, Sở Tư pháp nhận được hồ sơ đề nghị thẩm định đề xuất xây dựng Nghị quyết đồng thời với Công văn số 439/SKH-KTN ngày 08/4/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc đăng tải và xin ý kiến vào dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn. Căn cứ quy định từ Điều 115 đến Điều 120 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 thì việc lấy ý kiến tham gia đối với dự thảo Nghị quyết (Điều 120) được thực hiện sau khi Sở Tư pháp thẩm định đề nghị xây dựng Nghị quyết (Điều 115); UBND tỉnh thông qua chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị quyết (Điều 116); Thường trực HĐND tỉnh phân công cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo (Điều 117). Tuy nhiên, hiện nay cơ quan soạn thảo đang thực hiện đồng thời việc lấy ý kiến tham gia đối với dự thảo Nghị quyết và gửi thẩm định đề nghị xây dựng Nghị quyết là chưa đảm bảo đúng quy trình, thủ tục.</p>	<p>- Để đảm bảo tiến độ thực hiện theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 của HĐND tỉnh về kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2019. Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng và hoàn thiện thủ tục đồng thời 02 việc lập đề nghị và dự thảo Nghị quyết.</p>	<p>Văn bản số 79/STP-TĐVBQPPL ngày 03/5/2019 của Sở Tư pháp</p>

STT	Đơn vị tham gia ý kiến	Nội dung ý kiến	Ý kiến của đơn vị soạn thảo	Ghi chú
7	Cục Thuế tỉnh	<p>- Cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo Nghị quyết.</p> <p>- Đề nghị bỏ nội dung 02 năm đối với dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư quy định tại Điều 4.4 Điều 1 dự thảo Nghị quyết, lý do không có địa bàn áp dụng. Vì địa bàn ưu đãi đầu tư ban hành kèm theo Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 quy định các huyện Na Hang, Chiêm Hóa, Lâm Bình thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, các huyện Hàm Yên, Sơn Dương, Yên Sơn và thành phố Tuyên Quang thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn</p>	<p>- Đã tiếp thu, chỉnh sửa bỏ nội dung 02 năm đối với dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư quy định tại Điều 4.4 Điều 1 dự thảo Nghị quyết.</p>	<p>Văn bản số 364/CT-NVDTPC ngày 17/4/2019 của Cục Thuế tỉnh</p>
8	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh	<p>- Đề nghị bổ sung các cơ chế, chính sách hỗ trợ về tiếp cận đất đai cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.</p> <p>- Đề nghị bổ sung thêm chính sách hỗ trợ với các dự án đầu tư về trồng rừng, trồng cây dược liệu, lâm sản ngoài gỗ.</p>	<p>- Nhất trí đã bổ sung chính sách khuyến khích tích tụ tập trung đất đai cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trong dự thảo Nghị quyết.</p> <p>- Không nhất trí nội dung bổ sung chính sách hỗ trợ với các dự án đầu tư về trồng rừng, trồng cây dược liệu, lâm sản ngoài gỗ vì nội dung hỗ trợ lâm nghiệp đã được thực hiện theo Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh và Nghị định số 57/2018/NQ-CP.</p>	<p>Văn bản số 49/HH-Vp ngày 20/3/2019 của Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh</p>

STT	Đơn vị tham gia ý kiến	Nội dung ý kiến	Ý kiến của đơn vị soạn thảo	Ghi chú
9	Sở Công Thương	- Nhất trí với bố cục, nội dung dự thảo Nghị quyết về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.		Văn bản số 221/SCT-TTKC ngày 19/4/2019 của Sở Công Thương
10	UBND huyện Sơn Dương	- Nhất trí với nội dung dự thảo Nghị quyết - Đề nghị bổ sung: + Chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư chế biến sản phẩm chăn nuôi như thịt lợn, gia cầm, thủy sản. + Chính sách khuyến khích sản xuất, chế biến các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ như cây chè, cây dược liệu, chanh, rau an toàn, rau hữu cơ. + Chính sách khuyến khích sản xuất phân vi sinh, sản xuất phân hữu cơ từ các sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi.	- Không nhất trí bổ sung vì các nội dung này đã thực hiện theo Điều 11 Nghị định số 57/2018/NQQ-CP, trong đó không quy định về quy mô hỗ trợ, đây là điều kiện mở cho các doanh nghiệp.	Văn bản số 497/UBND-TC ngày 18/4/2019 của UBND huyện Sơn Dương
11	UBND huyện Hàm Yên	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		Văn bản số 552/UBND-NLN ngày 16/4/2019 của UBND huyện Hàm Yên
12	UBND huyện Yên Sơn	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		Văn bản số 497/UBND-TC ngày 18/4/2019 của UBND huyện Yên Sơn

STT	Đơn vị tham gia ý kiến	Nội dung ý kiến	Ý kiến của đơn vị soạn thảo	Ghi chú
13	UBND thành phố Tuyên Quang	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		Văn bản số 742/UBND-TCKH ngày 18/4/2019
14	Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Tuyên Quang	- Nhất trí với dự thảo Nghị quyết về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.		Văn bản số 1845/MTTQ-BTT ngày 18/4/2019 của UBMTTQVQ tỉnh Tuyên Quang
15	Sở Xây dựng	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		Văn bản số 601/SXD-KT&VLXD ngày 06/5/2019 của Sở Xây dựng
16	Các đơn vị chưa gửi văn bản tham gia ý kiến: UBND huyện Na Hang, Lâm Bình, Chiêm Hóa.			

Số: 219 /BC-SKH

Tuyên Quang, ngày 17 tháng 5 năm 2019

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG
Về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư
vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

I. Xác định vấn đề bất cập tổng quan

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

a) Thực trạng doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh

Hết năm 2018, số lượng doanh nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh 1.518 doanh nghiệp, tổng số vốn đăng ký 14.826 tỷ đồng. Trong đó có 52 doanh nghiệp đăng ký ngành nghề kinh doanh về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản với số vốn đăng ký trên 507,8 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 3,4% trong tổng số doanh nghiệp, thu nhập bình quân của người lao động tại các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn đạt trên 4,7 triệu đồng/người/tháng; hàng năm tạo việc làm cho trên 8.000 lao động.

Lĩnh vực đầu tư chủ yếu tập trung vào trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản theo hình thức liên kết với nông dân thông qua hợp đồng thu mua, tiêu thụ, chế biến các sản phẩm như chè, mía, cam, gỗ nguyên liệu,... Địa bàn đầu tư chủ yếu tập trung tại các huyện Yên Sơn, Sơn Dương, Hàm Yên, Chiêm Hóa là những vùng sản xuất hàng hóa lớn trên địa bàn tỉnh. Ngành nghề nông thôn chủ yếu là chế biến nông, lâm sản, dịch vụ vận tải, vật liệu xây dựng,...

b) Căn cứ đề xuất thay thế Nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của HĐND tỉnh

Thực hiện Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn. Ngày 22/12/2015, Hội đồng dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND về hình sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn giai đoạn 2016-2020, trong đó quy định hình thức hỗ trợ cho doanh nghiệp sau đầu tư với 04 nội dung gồm: Hỗ trợ trồng mới, trồng lại cây chè; hỗ

trợ chăn nuôi gia súc tập trung; hỗ trợ cơ sở chế biến cam; hỗ trợ cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung.

Quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh gặp một số khó khăn vướng mắc: Việc hỗ trợ sau đầu tư, khi dự án hoàn thành đối với cây chè chưa phù hợp với thực tế, kinh phí trồng mới, trồng lại 01 ha chè lớn; thời gian thực hiện dự án trồng chè thường kéo dài nhiều năm; điều kiện liên khoảnh khó thực hiện do diện tích trồng lại nằm rải rác trong vùng nguyên liệu; quy mô hỗ trợ chăn nuôi trâu còn cao so với thực tế; nội dung hỗ trợ chăn nuôi bò sữa, bò thịt, hỗ trợ cơ sở chế biến cam, hỗ trợ cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm được quy định cụ thể tại Điều 11, Điều 12 Nghị định số 57/2019/NĐ-CP trong đó không quy định về quy mô, vì vậy tỉnh không cần quy định lại.

Đồng thời theo Điều 19 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phải rà soát, ban hành chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn tại địa phương, trong đó quy định chính sách tín dụng, vốn cấp bù lãi suất hỗ trợ; ban hành cơ chế thúc đẩy tập trung đất đai, tạo quỹ đất để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn phù hợp với thẩm quyền và các quy định của pháp luật.

Do đó việc ban hành chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang thay thế Nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh và cụ thể hóa một số nội dung theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP là rất cần thiết.

b) Căn cứ để lựa chọn hỗ trợ đối tượng hỗ trợ là doanh nghiệp

Những năm qua, sản xuất nông lâm nghiệp của tỉnh được quan tâm, chú trọng. Tỉnh ban hành các chính sách hỗ trợ nông nghiệp như chính sách khuyến khích phát triển sản xuất hàng hóa; chính sách khuyến khích phát triển trang trại; chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi có kết hợp xây dựng hầm Biogas; chính sách hỗ trợ tưới tiêu tiên tiến cho cây trồng cạn; chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp; chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn giai đoạn 2016-2020... Tuy nhiên, quy mô sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh còn nhỏ lẻ, khó khăn trong việc liên kết vùng nguyên liệu để phát triển sản xuất kinh doanh, các sản phẩm hàng hóa

chưa phát triển bền vững, sức cạnh tranh chưa cao, ảnh hưởng của giá cả, thị trường tiêu thị thụ không ổn định. Các chính sách điều quy định đối tượng được hỗ trợ là hộ, trang trại, hợp tác xã; riêng chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn giai đoạn 2016-2020 được ban hành theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ đến năm 2020 cũng hết hiệu lực. Do vậy, việc lựa chọn đối tượng hỗ trợ doanh nghiệp đề tiếp tục khuyến khích, hỗ trợ trong giai đoạn tiếp theo là phù hợp.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

- Khuyến khích, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.
- Tăng cường thành lập doanh nghiệp.
- Tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động, góp phần phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

II. Đánh giá tác động của chính sách

1. Các vấn đề bất cập

1.1. Kết quả thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ

Thực hiện Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu UBND tỉnh báo cáo Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp kinh phí hỗ trợ cho 02 dự án gồm: Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải nhà máy đường Tuyên Quang của Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương (Quyết định số 1104/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 của UBND); dự án nhà máy chế biến nông sản tại cụm công nghiệp An Thịnh, huyện Chiêm Hóa của Công ty TNHH Sao Việt Tuyên Quang (Quyết định số 1103/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 của UBND). Năm 2018, UBND tỉnh đã phê duyệt kinh phí hỗ trợ cho 02 doanh nghiệp với tổng số tiền 7.000 triệu đồng, trong đó Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương 2.000 triệu đồng, Công ty TNHH Sao Việt Tuyên Quang 5.000 triệu đồng.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có một số dự án đã triển khai đáp ứng các điều kiện hỗ trợ theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ nhưng chưa lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ như: Dự án trang trại bò sữa kỹ thuật cao của Công ty cổ phần Hồ Toàn, dự án nhà máy chế biến sữa của Công ty cổ phần thực

phẩm TH, dự án chăn nuôi bò thịt chất lượng cao của Công ty cổ phần nông nghiệp quốc tế, dự án chăn nuôi lợn của Công ty TNHH DABACO Tuyên Quang, dự án nhà máy chế biến gỗ của Công ty cổ phần Wodsland Tuyên Quang, ...

*** Thuận lợi, khó khăn, hạn chế**

- Thuận lợi: Chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ đã được một số doanh nghiệp quan tâm, tiếp cận, bước đầu có tác động khuyến khích, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn.

- Khó khăn, hạn chế: Số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tiếp cận chính sách còn ít. Quy mô, điều kiện được hỗ trợ của chính sách còn cao so với điều kiện sản xuất nông lâm nghiệp của tỉnh.

- Nguyên nhân: Quy mô sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh còn nhỏ lẻ, khó khăn trong việc liên kết vùng nguyên liệu để phát triển sản xuất kinh doanh, các sản phẩm hàng hóa chưa phát triển bền vững, sức cạnh tranh chưa cao, ảnh hưởng của giá cả, thị trường tiêu thị thụ không ổn định.

1.2. Kết quả thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn theo Nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của HĐND tỉnh

Thực hiện Nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của HĐND tỉnh về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Từ năm 2016 đến hết năm 2018, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu UBND tỉnh cấp quyết định hỗ trợ đầu tư cho 03 dự án đầu tư vào nông nghiệp nông thôn gồm: Quyết định số 1217/QĐ-UBND ngày 24/10/2017 về việc hỗ trợ đầu tư dự án trồng mới, trồng lại chè năng suất cao của Công ty cổ phần chè Sông Lô; Quyết định số 314/QĐ-UBND ngày 28/3/2018 về việc hỗ trợ đầu tư dự án chăn nuôi trâu thịt tập trung của Công ty TNHH MTV thương mại Oanh Phương; Quyết định số 1619/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 về việc hỗ trợ đầu tư hỗ trợ đầu tư dự án trồng mới, trồng lại chè năng suất cao của Công ty cổ phần chè Mỹ Lâm. UBND tỉnh đã phê duyệt kinh phí hỗ trợ cho 02 doanh nghiệp với tổng số tiền 1.827 triệu đồng, trong đó Công ty cổ phần chè Sông Lô năm 2017 được hỗ trợ 448 triệu; Công ty TNHH MTV thương mại Oanh Phương năm 2018 được hỗ trợ 1.397 triệu đồng. Hiện nay, Sở Tài chính đã thẩm định trình UBND tỉnh đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ năm 2018 cho Công ty cổ phần chè Sông Lô với số tiền hỗ trợ 272 triệu đồng.

Sở Kế hoạch và Đầu tư đang thẩm định hồ sơ đề nghị cấp quyết định hỗ trợ cho Công ty cổ phần chè Tân Trào; đã thẩm định xong hồ sơ nghiệm thu diện tích trồng mới, trồng lại chè năm 2018 của Công ty cổ phần chè Mỹ Lâm. Hiện nay, doanh nghiệp đang hoàn thiện hồ sơ gửi Sở Tài chính đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ với số tiền 400 triệu đồng.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có một số dự án đã triển khai đáp ứng các điều kiện hỗ trợ theo Nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của HĐND tỉnh nhưng chưa lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ như: Dự án bảo quản, chế biến cam của Công ty cổ phần cam sành Hàm Yên, dự án chăn nuôi lợn tập trung của Công ty TNHH một thành viên nông nghiệp Mai Tuyết, ...

*** Thuận lợi, khó khăn, hạn chế**

- Thuận lợi: Chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn đã được một số doanh nghiệp tiếp cận, bước đầu có tác động khuyến khích, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn.

- Khó khăn, hạn chế: Số doanh nghiệp tiếp cận chính sách hỗ trợ đối với trồng mới trồng mới, trồng lại chè, chăn nuôi gia súc tập trung còn ít. Chưa có doanh nghiệp tiếp cận với chính sách hỗ trợ chế biến cam, cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung. Cụ thể:

Đối với hỗ trợ trồng chè: Đã có 02 doanh nghiệp được cấp quyết định hỗ trợ. Tuy nhiên, quy mô dự án tối thiểu 30ha, điều kiện liên khoảnh khó thực hiện. Việc thực hiện dự án trồng chè kéo dài từ 5 đến 10 năm, suất đầu tư trồng mới, trồng lại cho 01 ha chè lớn, việc huy động vốn để thực hiện là khó khăn cho các doanh nghiệp trồng chè. Mặt khác, việc trồng chè tiến hành đầu tư theo mùa vụ hằng năm nhưng đến năm thứ 3 giai đoạn chè kiến thiết cơ bản mới bắt đầu có sản phẩm chè búp tươi để bán.

Đối với hỗ trợ chăn nuôi: Đã có 01 doanh nghiệp được cấp quyết định hỗ trợ, ngoài ra có một số dự án chăn nuôi bò, lợn khác thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách. Tuy nhiên việc hoàn thiện các thủ tục về đầu tư, xây dựng, đất đai theo quy định thường phải kéo dài, mất nhiều thời gian, dự án chưa hoàn thành, chưa đi vào hoạt động.

Đối với hỗ trợ cơ sở chế biến cam: Đã có 01 doanh nghiệp là Công ty cổ phần cam sành Hàm Yên đang triển khai dự án thuộc đối tượng hỗ trợ của chính sách, tuy nhiên dự án đang trong giai đoạn xây dựng cơ sở hạ tầng, chưa đi vào sản xuất.

Đối với hỗ trợ cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm: Trên địa bàn tỉnh chưa có doanh nghiệp tiếp cận, triển khai dự án này.

- Nguyên nhân: Các điều kiện cần và đủ để được hưởng hỗ trợ chưa thật sự thuận lợi cho doanh nghiệp khi tiếp cận chính sách. Quy mô sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh còn nhỏ lẻ, khó khăn trong việc liên kết vùng nguyên liệu để phát triển sản xuất kinh doanh, các sản phẩm hàng hóa chưa phát triển bền vững, sức cạnh tranh chưa cao, ảnh hưởng của giá cả, thị trường tiêu thụ không ổn định. Do vậy, nhiều doanh nghiệp chưa mạnh dạn đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Điều kiện địa hình chủ yếu là đồi núi, sản xuất nông lâm nghiệp còn manh mún, nhỏ lẻ chưa có nhiều vùng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn, gây khó khăn trong việc thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn.

Số doanh nghiệp hoạt động trực tiếp trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản còn ít, chủ yếu đầu tư vào thương mại, dịch vụ, với mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận trước mắt hoặc trong các ngành, nghề dựa vào sự đầu tư của nhà nước.

Chi phí sản xuất kinh doanh cao. Thị trường tiêu thụ không bền vững, số doanh nghiệp liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ còn ít, đa số phụ thuộc vào thương lái (ví dụ sản phẩm thịt lợn phải chịu sự điều tiết thị trường của Trung Quốc).

Một số doanh nghiệp chưa quan tâm, tiếp cận các chính sách hỗ trợ của nhà nước khi đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Điều kiện vay vốn chặt chẽ, và lãi suất vay vốn tại các ngân hàng thương mại còn cao; chưa có chính sách riêng về khuyến khích tập trung đất đai, hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp vay vốn phát triển sản xuất kinh doanh vào nông nghiệp, nông thôn.

Doanh thu, hiệu quả kinh doanh còn thấp dẫn đến việc làm, thu nhập của người lao động không ổn định, chưa tạo được sự yên tâm cho người lao động.

1.3. Kết quả thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp khác của tỉnh

a. Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất đối với một số cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh.

Hết năm 2018, toàn tỉnh đã giải ngân thực hiện chính sách được 195.668,3 triệu đồng/3.905 hộ. Trong đó: Con trâu: 177.544,0 triệu đồng/3.590 hộ. Cây mía: 81,0 triệu đồng/08 hộ. Cây cam sành: 4.367,3 triệu đồng/164 hộ. Cây chè

đặc sản: 50,0 triệu đồng/01 hộ. Con cá: 13.548,0 triệu đồng/141 hộ. Xây dựng nhãn hiệu sản phẩm: 98,0 triệu đồng/01 hộ. Đã thực hiện hỗ trợ lãi suất tiền vay, hỗ trợ đầu tư với tổng số tiền 21.316,46 triệu đồng.

*** Thuận lợi, khó khăn, hạn chế**

- Thuận lợi: Chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa của tỉnh đã được nhân dân nhiệt tình hưởng ứng và từng bước đi vào cuộc sống. Việc hỗ trợ kịp thời thông qua cơ chế, chính sách đã khuyến khích, phát triển mạnh mẽ các loại cây trồng, vật nuôi tiềm năng, lợi thế của tỉnh; đồng thời đã giúp cho các hộ gia đình vượt qua những khó khăn trong sản xuất.

- Khó khăn, hạn chế:

Cây chè đặc sản: Chưa thực hiện được hỗ trợ trồng mới, hỗ trợ bình tuyển cây đầu dòng và xây dựng vườn ươm giống, hỗ trợ đánh giá và cấp chứng nhận VietGAP. Cây chè đặc sản thường tập trung chủ yếu ở những địa bàn rất khó khăn về giao thông, nên chi phí lớn, chất lượng sản phẩm sau thu hoạch thấp, do đó người dân chưa thấy hiệu quả kinh tế của việc trồng chè đặc sản nên chưa đăng ký để thực hiện chính sách hỗ trợ.

Cây cam sành: Chưa thực hiện được hỗ trợ vườn ươm cây giống, hỗ trợ đầu tư xây dựng kho lạnh bảo quản quả cam. Địa phương chưa làm tốt công tác tuyên truyền về lợi ích, hiệu quả khi trồng giống cam sành sạch bệnh, nên đa số các hộ dân trồng mới cam sành bằng cành chiết theo truyền thống, tập quán, không đủ điều kiện vay vốn theo chính sách. Một số hộ nghèo, hộ cận nghèo đã có dư nợ tại ngân hàng nên qua quá trình thẩm định không đủ điều kiện vay vốn hoặc số tiền được vay quá ít so với nhu cầu đầu tư.

Cây mía: Kết quả thực hiện hỗ trợ đối với cây mía đạt rất thấp. Nguyên nhân do diện tích trồng mía nhỏ lẻ, manh mún, trong khi chính sách chỉ cho vay để đầu tư mua giống trồng mới. Thực tế một số cây trồng khác cho hiệu quả kinh tế cao hơn cây mía nên người dân đã tự phát chuyển đổi từ trồng mía sang trồng các loại cây như: Bưởi, cam,...

Con trâu đực giống, trâu sinh sản: Được nhân dân đồng tình cao, có nhiều hộ vay vốn để mua trâu (chiếm 91,9% so với tổng số hộ vay vốn theo nghị quyết). Tuy nhiên, đa số các hộ đăng ký vay vốn là hộ nghèo, hộ cận nghèo đã có dư nợ ở ngân hàng nên qua quá trình thẩm định không đủ điều kiện vay vốn hoặc số tiền được vay quá ít so với nhu cầu đầu tư.

Con cá đặc sản: Chính sách chỉ hỗ trợ nuôi cá VietGAP đối với nuôi cá tại ao, hồ nhỏ chủ yếu là nuôi các loài cá truyền thống, chưa hỗ trợ nuôi cá VietGAP đối với cá đặc sản; trong khi điều kiện tự nhiên của tỉnh có tiềm năng phát triển cá đặc sản, đồng thời cá đặc sản có giá trị kinh tế cao hơn nhiều so với cá truyền thống.

Xây dựng nhãn hiệu, xúc tiến thương mại sản phẩm: Việc xây dựng nhãn hiệu, đăng ký chất lượng sản phẩm; xúc tiến thương mại, quảng bá chất lượng sản phẩm chưa được nhiều các tổ chức, cá nhân tiếp cận (chỉ có 01 doanh nghiệp được hưởng chính sách hỗ trợ). Việc hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu chỉ áp dụng cho sản phẩm 03 cây 02 con (quy định tại khoản 1 Phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết) trong khi người dân còn có nhu cầu đối với các sản phẩm nông nghiệp khác. Theo quy định, việc xây dựng nhãn hiệu, xúc tiến thương mại để tiêu thụ sản phẩm chỉ có hợp tác xã, doanh nghiệp hoặc cá nhân có đăng ký kinh doanh mới đủ năng lực, điều kiện để thực hiện, đây cũng là hạn chế của chính sách.

b. Nghị quyết số 10/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của HĐND tỉnh về chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại

Hết năm 2018, toàn tỉnh thực hiện giải ngân 154.341,0 triệu đồng/461 trang trại. Trong đó hỗ trợ vay vốn để đầu tư phát triển sản xuất: 153.344,0 triệu đồng/453 trang trại; hỗ trợ sản xuất theo VietGAP: 897,0 triệu đồng/09 trang trại. Đăng ký nhãn hiệu sản phẩm 100,0 triệu đồng/01 trang trại.

*** Thuận lợi, khó khăn, hạn chế**

- Đa số trang trại trông cam vay vốn theo Nghị quyết số 10/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của HĐND tỉnh về chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại (hết năm 2018, riêng huyện Hàm Yên có 102 trang trại trông cam được vay vốn theo chính sách với tổng kinh phí 33,76 tỷ đồng). Việc hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu, đăng ký chất lượng sản phẩm còn ít (01 đơn vị). Việc hỗ trợ lãi suất tiền vay, hỗ trợ 01 lần cho người dân còn chậm do các huyện, thành phố chưa xây dựng kế hoạch kinh phí cùng kỳ với kỳ xây dựng kế hoạch ngân sách hàng năm theo quy định; quá trình hoàn thiện hồ sơ gửi Sở Tài chính trình UBND tỉnh cấp kinh phí bổ sung còn chậm. Sau khi có kinh phí, một số xã chưa chủ động, khẩn trương trong thực hiện việc chi trả tiền hỗ trợ cho người dân.

c. Chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2018-2021 theo Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh

- Kết quả thực hiện chính sách năm 2018: Số cây giống hỗ trợ 1.653.887 cây, diện tích được hỗ trợ 1.030,69 ha (trong đó: Keo lai nuôi cấy mô 915.216 cây, diện tích 626,86 ha; Keo tai tượng hạt nhập ngoại 738.672 cây, diện tích 404,53 ha). Kinh phí thực hiện: 3.539,394 triệu đồng/694 hộ. Kế hoạch thực hiện năm 2019: Số cây giống hỗ trợ 1.639.443 cây, diện tích được hỗ trợ 1.074,9 ha (trong đó: Keo lai nuôi cấy mô 1.289.764 cây, diện tích 883,4 ha; Keo tai tượng hạt nhập ngoại 349.679 cây, diện tích 191,5 ha). Kinh phí thực hiện: 4.677,268 triệu đồng).

Chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao đã góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả rừng trồng; cụ thể hóa mục tiêu Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 22/5/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khoá XVI) về phát triển nông nghiệp hàng hoá giai đoạn 2016-2025; thực hiện có hiệu quả Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

Năm 2018, đã có 694 hộ gia đình được nhận hỗ trợ cây giống chất lượng cao để trồng 1.030,69 ha rừng, với tổng kinh phí hỗ trợ là 3.539,394 triệu đồng; chính sách hỗ trợ giúp người dân giảm bớt được chi phí đầu tư trồng rừng (chi phí giống keo lai nuôi cấy mô là trên 4,0 triệu đồng/ha, keo tai tượng hạt nhập ngoại là trên 1,7 triệu đồng/ha), tạo điều kiện nâng cao thu nhập cho hộ dân được hưởng chính sách.

*** Thuận lợi, khó khăn, hạn chế**

- Công tác tuyên truyền về đối tượng, điều kiện thực hiện chính sách tại một số địa phương còn hạn chế, dẫn đến tình trạng đăng ký nhiều nhưng khi rà soát, xác minh để lập hồ sơ hỗ trợ thì nhiều diện tích không đủ điều kiện hỗ trợ, hoặc có xã không có người dân đăng ký nhận hỗ trợ (năm 2018 chỉ đạt 66,3% so với số đăng ký).

- Việc kiểm tra, xác minh đối tượng, diện tích, ranh giới, vị trí lô khoảnh đối với từng hộ gia đình để lập hồ sơ hỗ trợ cây giống mất nhiều thời gian, vì vậy các Ban quản lý dự án bảo vệ rừng cơ sở chưa hoàn thành công tác chuẩn bị trồng rừng theo tiến độ.

- Với quy mô diện tích được hưởng chính sách 0,5 ha trở lên

2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Để thực hiện nhiệm vụ phân cấp tại Điều 19 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/04/2018 của Chính phủ và tiếp tục thực hiện hỗ trợ sau đầu tư sản phẩm

đặc thù của tỉnh theo Nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của HĐND tỉnh. Trên cơ sở khảo sát thực tế, tổng hợp ý kiến tham gia của các Sở, ngành, UBND huyện, thành phố, doanh nghiệp; tổng hợp kết quả thực hiện từ các chính sách hỗ trợ nông nghiệp, nông thôn của tỉnh đã ban hành, Sở Kế hoạch và Đầu tư đề xuất chính sách đặc thù hỗ trợ cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn với mục đích tiếp tục khuyến khích, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động, góp phần phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Để tiếp tục khuyến khích, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư đề xuất Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của HĐND tỉnh, trong đó:

a. Thực hiện nhiệm vụ phân cấp tại Điều 19 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/04/2018 của Chính phủ gồm 02 nội dung: Chính sách khuyến khích tập trung đất đai; chính sách hỗ trợ cấp bù lãi suất cho doanh nghiệp khi thực hiện các dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Đây là điểm mới trong dự thảo đề xuất xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh. Các chính sách hỗ trợ của tỉnh đã ban hành như Nghị quyết số 10/2014/NQ-HĐND, Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND, Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND, Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND... có quy định việc hỗ trợ lãi suất vay vốn thực hiện dự án phát triển sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, qua rà soát phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng không trùng với chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn. Mặt khác, tỉnh chưa có chính sách khuyến khích tập trung đất đai, hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

b. Rà soát, điều chỉnh sản phẩm nông nghiệp đặc thù của tỉnh theo Nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của HĐND tỉnh; đối tượng hỗ trợ không trùng với đối tượng đã được hỗ trợ theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/04/2018 của Chính phủ gồm 02 nội dung: Hỗ trợ trồng mới, trồng lại cây chè ; hỗ trợ chăn nuôi gia súc tập trung (không bao gồm bò sữa, bò thịt).

Tại dự thảo Nghị quyết thay thế 02 nội dung hỗ trợ đầu tư này có nhiều điểm mới, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp để thực hiện khi thụ hưởng chính sách. Đối với nội dung hỗ trợ trồng mới, trồng lại cây chè đã bỏ điều kiện liên khoảnh, không quy định cụ thể tiêu chuẩn trồng chè mà khuyến khích trồng

chè theo các tiêu chuẩn được công nhận, đơn giá định mức kỹ thuật trồng mới, trồng lại 01 ha chè cao nên chỉ quy định hỗ trợ để mua giống chè. Đối với hỗ trợ chăn nuôi gia súc tập trung đã bỏ nội dung hỗ trợ bò sữa, bò thịt vì nội dung này đã được quy định cụ thể tại Điều 12 Nghị định số 57/2019/NĐ-CP trong đó không quy định về quy mô và điều kiện hỗ trợ, đây là điều kiện rất mở cho các doanh nghiệp trong việc tiếp cận, thụ hưởng chính sách. Giữ lại nội dung hỗ trợ chăn nuôi trâu và lợn, giảm điều kiện quy mô đàn trâu để phù hợp thực tế. Để đảm bảo cân đối ngân sách địa phương, dự thảo Nghị quyết đề xuất mức hỗ trợ vẫn giữ nguyên như Nghị quyết số 41/2015/NQ-HNND ngày 22/12/2015 của HĐND tỉnh.

4. Đánh giá tác động của giải pháp

Các chính sách được nêu cụ thể trong Quy định này, sẽ giúp cho quá trình triển khai thực hiện các nội dung hỗ trợ được công khai, minh bạch, dễ áp dụng. Dự thảo Quy định đã bám sát yêu cầu phát triển của thực tiễn nhằm tạo điều kiện, thu hút thêm doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Xây dựng Nghị quyết về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang phù hợp với các văn bản quy định hiện hành và điều kiện phát triển sản xuất thực tế của địa phương sẽ góp phần khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn để tạo điều kiện các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, đặc thù của tỉnh được kết nối theo chuỗi giá trị phát triển ổn định, bền vững hiệu quả; tạo thu nhập ổn định, nâng cao đời sống cho nhân dân. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, ứng dụng công nghệ cao với năng suất, hiệu quả cao và bảo vệ môi trường.

4.1. Tác động đến hệ thống pháp luật hiện hành

Chính sách được ban hành theo đúng quy định, trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp...; đồng thời, tạo điều kiện cho doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận với các quy định của pháp luật một cách tập trung, thống nhất khi tham gia thực hiện chính sách.

4.2. Tác động đến nguồn lực đảm bảo thi hành

Nguồn vốn thực hiện chính sách hỗ trợ hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn, gồm: Nguồn ngân sách địa phương; nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương.

Trong quá trình thực hiện UBND tỉnh chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài chính cân đối, bố trí, xác định nhu cầu kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách đảm bảo kịp thời, đúng chế độ và xây dựng phương án tài chính để thực hiện. Chủ động sử dụng nguồn ngân sách địa phương và các nguồn vốn hỗ trợ từ trung ương để tổ chức, triển khai có hiệu quả các chính sách theo quy định.

4.3. Tác động đến đối tượng chịu sự tác động

Việc thi hành Quy định này sẽ góp phần giải quyết những khó khăn của doanh nghiệp đang có dự án đầu tư vào nông nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích, thu hút, tạo động lực cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh.

4.4. Tác động đối với kinh tế

Chính sách thực hiện sẽ thu hút thêm các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh tạo thêm việc làm cho lao động, góp phần phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp chuyển dịch đúng hướng, tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi và dịch vụ; giảm dần tỷ trọng ngành trồng trọt. Nhiều doanh nghiệp chủ động liên kết với nông dân để phát triển vùng nguyên liệu phục vụ cho chế biến như Công ty cổ phần Woodland Tuyên Quang, Công ty cổ phần Tập đoàn DABACO, Công ty cổ phần thực phẩm sữa TH, Công ty cổ phần Tập đoàn FLC,...

4.5. Tác động đối với xã hội

Chính sách được ban hành sẽ thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn, giải quyết việc làm cho người lao động, góp phần tăng thu nhập, nâng cao mức sống cho nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh, góp phần phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

4.6. Tác động đối với môi trường

Trong quá trình thực hiện các dự án đầu tư vào nông nghiệp nông thôn, doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định, do vậy việc xử lý chất thải trong sản xuất đều được tuân thủ theo quy định về bảo vệ môi trường.

4.7. Đối với cơ quan quản lý ở Trung ương và địa phương

Việc ban hành chính sách này sẽ tạo ra khuôn khổ pháp luật thống nhất, tổng thể, phù hợp với thực tế, khắc phục những tồn tại, hạn chế của các chính sách đã ban hành.

5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn thực hiện Nghị quyết theo đúng các quy định.

III. Lấy ý kiến

1. Xin ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tuyên Quang:

- Phương pháp lấy ý kiến: Gửi văn bản và hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết để xin ý kiến.

2. Xin ý kiến của Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, các doanh nghiệp:

- Phương pháp lấy ý kiến: Xin ý kiến trực tiếp tại hội nghị và gửi hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết để xin ý kiến và đăng tải dự thảo trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang, Trang Thông tin điện tử của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Ý kiến tham gia, góp ý của các Sở và UBND các huyện, thành phố:

- Phương pháp lấy ý kiến: Xin ý kiến trực tiếp tại hội nghị và đăng tải dự thảo trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang, Trang Thông tin điện tử của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

IV. Nguồn lực thực hiện

a. Dự kiến kinh phí thực hiện chính sách giai đoạn 2019-2025 khoảng 41.140 triệu đồng (bình quân khoảng 5.877 triệu đồng/năm) trong đó:

- Hỗ trợ tập trung đất đai: 16.000 triệu đồng.
- Hỗ trợ lãi suất: 2.640 triệu đồng.
- Hỗ trợ trồng mới, trồng lại cây chè 12.000 triệu đồng.
- Hỗ trợ chăn nuôi gia súc tập trung: 10.500 triệu đồng.

(Chi tiết có biểu kèm theo)

b. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh (vốn sự nghiệp kinh tế và vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh).

V. Giám sát và đánh giá

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Kiểm tra, hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện Nghị quyết. Thường xuyên theo dõi, tổng hợp, định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình, kết quả thực hiện chính sách.

- Phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp, đề xuất kế hoạch kinh phí hỗ trợ của các doanh nghiệp vào dự toán ngân sách tỉnh hàng năm.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp quyết định hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các ngành, đơn vị liên quan nghiệm thu dự án hoàn thành đầu tư khi có văn bản đề nghị của doanh nghiệp.

- Chủ trì tổng hợp và phối hợp với các ngành liên quan giải quyết những vướng mắc và đề nghị sửa đổi những nội dung không phù hợp.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định dự án hỗ trợ. Chủ trì nghiệm thu các dự án thuộc đối tượng hỗ trợ của Nghị quyết số đảm bảo đúng tiến độ, thời gian.

- Ban hành hướng dẫn chuyên ngành về giống, kỹ thuật chăm sóc cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền.

3. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, đề xuất kế hoạch kinh phí hỗ trợ thẩm định các dự án thuộc đối tượng hỗ trợ của các doanh nghiệp vào dự toán ngân sách tỉnh hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. Phối hợp thẩm định các dự án thuộc đối tượng hỗ trợ của chính sách.

- Chủ trì thẩm định hồ sơ hỗ trợ sau đầu tư, cấp kinh phí, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định. Theo dõi việc sử dụng kinh phí hỗ trợ, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh điều hành kinh phí hỗ trợ đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Các Sở Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định các dự án thuộc đối tượng hỗ trợ của Nghị quyết đảm bảo đúng tiến độ, thời gian; phối hợp nghiệm thu khi dự án hoàn thành đầu tư.

- Hướng dẫn và thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về hỗ trợ tập trung đất đai, môi trường theo quy định.

5. UBND các huyện, thành phố

- Phối hợp thẩm định các dự án thuộc đối tượng hỗ trợ của Nghị quyết đảm bảo đúng tiến độ, thời gian; phối hợp thực hiện nghiệm thu khi dự án hoàn thành đầu tư.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các dự án được hỗ trợ đầu tư theo Nghị quyết trên địa bàn quản lý. Giải quyết vướng mắc liên quan theo thẩm quyền tại địa bàn quản lý.

6. Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh

- Tuyên truyền, triển khai cơ chế, chính sách đến các hội viên.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ngành liên quan triển khai, thực hiện có hiệu quả chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Trên đây là báo cáo đánh giá tác động của Dự thảo chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Sở Kế hoạch và Đầu tư trân trọng báo cáo UBND tỉnh./.

Nơi nhận: *1/UB*

- UBND tỉnh (Báo cáo);
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu VT, KTN.

GIÁM ĐỐC



Vân Đình Thảo

BIỂU 01

BIỂU DỰ KIẾN KINH PHÍ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

STT	Tên doanh nghiệp	Diện tích, quy mô	Loại hình dự án	Nội dung hỗ trợ	Chia theo năm						Tổng số (tr. đồng)	
					2019	2020	2021	2022	2023	2024		2025
A	Tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách tỉnh				6.096	6.192	7.788	5.134	5.230	8.576	5.124	41.140
I	Trồng mới, trồng lại cây chè		380		2.500	2.500	2.500	1.250	1.250	2.000		12.000
1	Huyện Sơn Dương (01 dự án)	150	Trồng mới, trồng lại cây chè	Hỗ trợ mua giống chè				1.250	1.250	1.250		3.750
2	Huyện Yên Sơn (02 dự án)	200	Trồng mới, trồng lại cây chè	Hỗ trợ mua giống chè	2.500	2.500	2.500					7.500
3	Huyện Hàm Yên (01 dự án)	30	Trồng mới, trồng lại cây chè	Hỗ trợ mua giống chè						750		750
II	Chăn nuôi gia súc tập trung (không bao gồm bò sữa, bò thịt)				1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	10.500
4	Huyện Yên Sơn (01 dự án)		Chăn nuôi gia súc	Hỗ trợ đầu tư CSHT, mua thiết bị			1.500					1.500
5	Huyện Sơn Dương (02 dự án)		Chăn nuôi gia súc	Hỗ trợ đầu tư CSHT, mua thiết bị	1.500			1.500				3.000
6	Huyện Hàm Yên (01 dự án)		Chăn nuôi gia súc	Hỗ trợ đầu tư CSHT, mua thiết bị					1.500			1.500
7	Huyện Chiêm Hóa (01 dự án)		Chăn nuôi gia súc	Hỗ trợ đầu tư CSHT, mua thiết bị						1.500		1.500
8	Huyện Na Hang (01 dự án)		Chăn nuôi gia súc	Hỗ trợ đầu tư CSHT, mua thiết bị							1.500	1.500
9	Huyện Lâm Bình (01 dự án)		Chăn nuôi gia súc	Hỗ trợ đầu tư CSHT, mua thiết bị		1.500						1.500
IV	Hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp	DA	Các loại hình dự án trên	Hỗ trợ lãi suất tiền vay thực hiện dự án đầu tư vào nông nghiệp nông thôn (10 dự án x 10 tỷ x 0,4%/tháng (chênh lệch) x 48 tháng)	96	192	288	384	480	576	624	2.640
IV	Hỗ trợ tập trung đất đai	DA	Các loại hình dự án trên	Hỗ trợ 01 tỷ đồng/dự án (15 dự án x 01 tỷ)	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	3.000	3.000	16.000